

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 16

Thiên thứ 6: KÍNH PHẬT

Thứ năm- PHÂN DI LẶC

Gồm có 5 phần: Thuật ý, Thọ giới, Tán thán, Nghiệp nhân, Phát nguyện.

Thứ nhất: THUẬT Ý

Kính nghĩ: bậc Đại giác đại hùng, tùy cơ duyên lợi vật, khéo thi thố quyền nghi giáo hóa để cứu vớt nguy cấp tương lai. Gặp thời mạt pháp, mạng giống đước tàn. Muốn theo đuổi chí hướng lợi sinh, chẳng gì hơn gặp được đức Phật. Ngài có căn dặn cùng ta, mọi giáo lý tu hành đều đã giao phó cho đức Di-lặc. Ngài rất ân cần, Đạo rất chân thật. Một niệm vừa gặp, giải thoát lậu căn. Phát đại nguyện ở rừng hoa; hiện chân thân trên Đâu-suất. Nắm trọn huyền cơ, rỗng mây hội ngộ. Do đó kinh Thượng-sinh nói rằng: “Các chúng sinh ấy đều gieo mọi nhân lành trong giáo pháp đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã truyền lại cho ta.” Xem kỹ lời này, thật đáng cầu nguyện. Vào cuối đời Tấn, kinh ấy mới được lưu hành. Qua đến đời Tống, bắt đầu lập hội. Dựng tượng Phật cao hằng nghìn thước; lập cây Đạo lớn đến muôn tầm. Bày lễ cúng dường; tụ tập tín hữu. Nhờ thế, đại chúng hân hoan, thành tâm hóa độ. Gặp lúc lễ tiết, mở đủ Ba hội. Từ khi nhà Tề nổi vận, pháp duyên lại càng hanh thông. Văn học mở mang, đạo đức chấn chỉnh. Pháp hội này sẵn dịp phát triển. Tuy nhiên sau đó, ngày mỗi thưa dần. Có người muốn theo tu học, còn biết nương tựa vào đâu!

Nay nghiên ngẫm các kinh, dựa theo đó tu tập. Mong sao hiểu thấu Bát chánh đạo, hương giải thoát sẽ thơm ngát tận Thiên cung; thực hành suốt Thập thiện, ánh hào quang sẽ chiếu diệu lên Đâu-suất. Công đức nhuần thấm khắp muôn loài; ơn huệ đầy Sớ hội vậy.

Thứ hai: THỌ GIỚI

Thuật rằng: nếu là cư sĩ tế gian chưa thọ giới, trước tiên, thọ phép Tam quy bỏ tà. Mỗi ngày đêm chia ra sáu giờ, tùy giờ thuận tiện để thọ phép này. Đã chính thức quy y Tam bảo, thể nguyện không đổi thay, chắc chắn sẽ được sinh lên thượng giới. Nếu thuộc thành phần ngũ chúng đang xuất gia, đã từng thọ giới, cứ theo đó tu hành, không cần thọ gì nữa. Nếu không thọ trì giới hạnh, chỉ nghĩ đến cái thiện suông không, cũng không được vãng sinh. Thế nên, luận Trí-độ nói: “Suốt cả đời con, nguyện xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (lập lại ba lần).” Lại nữa, kinh Xử-thai nói: “Đức Phật nói kệ cho ngài Di-lặc rằng:

*Người Ba hội của ông,
 Từng được ta giáo hóa,
 Gồm chín mươi sáu ức,
 Thọ ngũ giới của ta.
 Kế là thọ tam quy,
 Gồm chín mươi hai ức.
 Nếu niệm Nam-mô Phật,
 Đều thành tựu Phật đạo.”*

Thuật rằng: bàn luận rộng rãi công lực phép tam quy, ba quyển luận Kinh-phúc có nói cụ thể. Đã thọ xong phép tam quy, kế tiếp cần thọ giới thập thiện. Nếu không được thực hành thập thiện, chắc chắn sẽ không được sinh lên thượng giới. Nếu sấm sửa đầy đủ pháp phục uy nghi, đến trước vị Sa-môn, tinh tiến thành tâm sám hối. Sau đó, xin thọ giới và nói rằng: “Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều không sinh lòng sát hại. Lần lượt cho đến điều thứ mười. Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể thành phàm, đều không sinh lòng tà kiến (lập lại ba lần). Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều trọn vẹn không sinh lòng sát hại. Lần lượt cho đến điều thứ mười. Suốt cả đời con, đối với tất cả chúng sinh trên dưới, không kể Thánh phàm, đều trọn vẹn không sinh lòng tà kiến (lập lại ba lần). Phép thập thiện này ngăn cấm ba tội sát hại, trộm cắp, tà dâm thuộc thân nghiệp; bốn tội nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, thô lỗ thuộc khẩu nghiệp và ba tội tham lam, giận hờn, tà kiến thuộc ý nghiệp. Mười điều này là căn bản của mọi việc thiện. Không làm là đúng, làm là vi phạm. Vi phạm là căn bản của mười điều ác và cũng là ngọn ngành của muôn vàn tai họa.

Thứ ba: TÁN THÁN

Như kinh Bồ-tát-bản-hạnh nói rằng: “Ngay như hóa độ vô số ức chúng sinh thành Bích-chi Phật, cũng như có người hằng ngày cúng dường đức Phật và chư Tăng y phục, thức ăn, thuốc men, phòng ốc suốt hằng trăm năm, công đức sẽ rất nhiều, nhưng tất cả đều không bằng người đem lòng hoan hỷ tán thán đức Phật một bài kệ bốn câu. Công đức người này sẽ nhiều vô lượng.” Lại nữa, như kinh Thiện-giới nói: “Đem tất cả châu báu của bốn đại châu cúng dường đức Phật và đem thành tâm tán thán đức Phật. Hai công đức này sẽ như nhau, không chút khác biệt.” Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Chỉ cần niệm danh hiệu Nam-mô Phật, nhờ vào thiện căn này, sẽ được nhập Niết-bàn không cùng tận. Hơn nữa, nếu biết thành khẩn tâm niệm công đức của chư Phật, thậm chí, rải một bông hoa cúng dường giữa hư không, vào kiếp sau, sẽ được làm các Phạm vương, hưởng phước báo vô tận. Nhờ phước báo vô tận ấy, cuối cùng sẽ được nhập Niết-bàn.” Lại nữa, kinh Niết-bàn nói rằng: “Ca-diếp dùng kệ tán thán đức Phật rằng:

*Đại bi thương chúng sinh
Mới khiến ta quy y.
Nhỏ sạch các tên độc,
Nên gọi là Y vương.
Thế gia y trị liệu,
Tuy lành sẽ tái phát.
Đức Phật trị liệu xong,
Không bao giờ tái phát.
Thuốc cam lộ của ngài,
Ban bố cho chúng sinh.
Sau khi đã uống xong,
Sẽ không còn sinh tử.
Nay ngài vì giúp ta,
Nói kinh Đại-Niết-bàn.
Chúng sinh nghe diệu pháp,
Liên thoát vòng sinh tử.”*

Lại nữa, kinh Đại-phương-đăng-Đà-la-ni nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Hoa Tụ liền tán thán đức Phật rằng:

*Thế tôn thân tướng như núi vàng,
Tựa ánh mặt Trời chiếu thế gian,
Phá tan tất cả mọi phiền não.
Nay tôi cúi đầu lạy Pháp vương.*

*Pháp vương chúa tể đã hiếm có,
 Diệu pháp của ngài còn hơn nữa,
 Hiếm thấy, hiếm nghe và hiếm gặp.
 Nếu ai thấy được, thành Chánh giác.”*

Bấy giờ, A-tu-luân dâng kệ tán thán đức Phật rằng:
*Thế tôn diện mạo như nhật nguyệt,
 Thường diệt tất cả mọi hắc ám.
 Nay lại cứu độ giúp chúng tôi.
 Chúng tôi kính lễ vua chư Thiên.”*

Trong kinh Văn-thù-sư-lợi-vấn, Bồ-tát Văn-thù nói kệ ca tụng đức Phật rằng:

*“Tôi đánh lễ chư Phật,
 Điều ngự rất tuyệt luân.
 Pháp thân một trượng 6,
 Và đánh lễ tháp Phật, Nơi
 sinh và thành Đạo,
 Thuyết pháp và nhập diệt,
 Nơi nằm ngồi đi đứng.
 Tất cả đều đánh lễ.
 Chư Phật thật siêu việt,
 Diệu pháp cũng như thế.
 Thành tâm và tin tưởng,
 Thật không thể nghĩ bàn.
 Thường đem lời kệ này,
 Tán thán các Như lai.
 Nghìn vạn ức kiếp sau,
 Không đọa vào Đường ác.*

Đức Phật bảo: “Văn-thù! Lành thay, lành thay! Như lai thật không thể nghĩ bàn.” Rồi ngài nói kệ rằng:

*“Phật sinh dòng Cam giá,
 Nhập diệt không sinh lại.
 Nếu người quy y Phật,
 Không sợ địa ngục khổ.”*

Lại nữa, kinh Hoa-nghiêm có kệ tán rằng:

*“Thà chịu mọi đau khổ,
 Để được nghe lời Phật,
 Hơn hưởng mọi lạc thú,
 Nhưng chẳng nghe tên Phật.*

*Sở dĩ muôn vạn kiếp,
Chịu mọi phiền não này,
Xoay vần trong sinh tử,
Vì chẳng nghe tên Phật.”*

Lại nữa, kinh Di-lặc-Bồ-tát-sở-vấn-bản-nguyện nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Bồ-tát Di-lặc không những chỉ dùng kệ tán thán ta, thậm chí vào 10 vô lượng kiếp xa xưa, có đức Phật xuất thế, hiệu là Diễm Quang Hưởng Tác Vương Như Lai, có Trưởng giả Bà-la-môn tên là Hiền Hạnh, ở chỗ đức Phật ấy, đã chứng được phép Bất khởi pháp nhẫn. Trưởng giả đương thời chính chính là Bồ-tát Di-lặc hiện nay vậy.” A-nan bạch đức Phật rằng: “Bồ-tát Di-lặc chứng phép Bất khởi pháp nhẫn đã quá lâu như thế, tại sao đến nay chẳng nhanh chóng chứng quả Chánh giác?” Đức Phật bảo A-nan: “Bồ-tát Di-lặc vì bốn pháp vụ, nên không chứng Phật quả. Ấy là bốn pháp vụ nào? Một là làm thanh tịnh quốc độ. Hai là hộ trì quốc độ. Ba là làm thanh tịnh tất cả. Bốn là hộ trì tất cả. Khi Bồ-tát Di-lặc phát đại nguyện thành Phật, cũng có bốn pháp vụ này, nên không chứng Phật quả.” Đức Phật bảo tiếp A-nan: “Khi ta phát đại nguyện thành Phật, cũng có bốn pháp vụ này. Bồ-tát Di-lặc phát đại nguyện trước ta bốn mươi hai đại kiếp, ta phát đại nguyện sau Bồ-tát ấy, nhưng vào Hiền kiếp này, đã dùng đại tinh tiến vượt qua chín kiếp, chứng được quả Vô thượng.” Đức Phật bảo tiếp A-nan: “Ta nhờ mười điều để đạt Chánh quả. Ấy là mười điều nào? 1/ Có tất cả nhưng không luyến tiếc gì cả. 2/ Không luyến tiếc thân thiếp. 3/ Không luyến tiếc con cái. 4/ Không luyến tiếc quan lại. 5/ Không luyến tiếc thuộc hạ. 6/ Không luyến tiếc lãnh thổ. 7/ Không luyến tiếc châu báu tiền tài. 8/ Không luyến tiếc tủy não. 9/ Không luyến tiếc máu huyết. 10/ Không luyến tiếc thân mạng. Ta nhờ không luyến tiếc mười điều ấy mới mau thành Phật đạo.”*

Lại nữa, kinh Đại-bi nói: “Đức Phật bảo A-nan: “Ông xem khi Như lai đi trên đường, thường khiến chỗ đất cao hóa thành thấp, chỗ thấp hóa thành cao. Các chỗ cao thấp đều trở nên bằng phẳng. Sau khi Như lai đi qua, mặt đất trở lại như cũ. Tất cả cây cối đều nghiêng mình về phía Như lai. Thân cây hiện hình cúi đầu đánh lễ. Sau khi Như lai đi qua, cây cối trở lại như cũ. Tất cả gò đống hang hầm, hố xí dơ ứ, bụi rậm đá sỏi đều được dọn dẹp bằng phẳng sạch sẽ, tỏa hương thơm tho, trăm hoa nở đầy. Chân Như lai dẫm lên mà bước qua. Chúng sinh vô tình còn biết nghiêng mình, huống hồ chúng sinh hữu tình lại không biết tôn kính hơn nữa? Tại sao thế? Vì khi tu hạnh Bồ-tát, đối với mọi chúng

sinh, ta đều nghiêng mình khiêm nhường kính lễ. Nhờ duyên lành này, khi đã thành Phật, mỗi lần ta đi, mọi chúng sinh hữu tình vô tình đều nghiêng mình đánh lễ. Ta đã từng tự tay đem các cửa cải trong bóng đẹp để đáng yêu bố thí cho mọi chúng sinh. Nhờ duyên lành này, mỗi lần ta đi, mặt đất trở thành bằng phẳng, được quét dọn sạch sẽ, không còn sỏi đá. Đối với vô lượng bậc Thánh hiền mỗi khi đi, ta từng quét dọn đường sá, tô sửa phòng ốc, đem lòng bình đẳng, không nghĩ sang hèn, dọn dẹp tươm tất. Tâm ta luôn luôn cầu Đạo Bồ-đề, làm lợi chúng sinh. Nhờ duyên lành này, nếu ta đi đến bất cứ chỗ nào, đường sá sẽ tự nhiên sạch sẽ, mặt đất phẳng bằng như lòng bàn tay. Thậm chí núi chúa Tu-di cao đến tám vạn bốn nghìn do-tuần, đáy đại hải cũng sâu như thế, cùng núi Thiết vi cao đến mười sáu vạn tám nghìn do-tuần, toàn bằng kim cương cứng rắn, khi Như lai nhập Niết-bàn, tất cả đều nghiêng mình cúi đầu đánh lễ. Dầu muốn trốn chạy thật xa, khỏi phải nghiêng mình đánh lễ, cũng không thể được!”

Nhờ duyên lành tán thán đức Phật, đến nỗi Xá-lợi-phất nghe được bài kệ tán thán đức Phật từ người khác, cũng chứng được Đạo quả. Thế nên, trong kinh Phổ-diệu, Tỳ-kheo An-lục dùng bài kệ đáp lại Xá-lợi-phất rằng:

*“Thầy ta, Trời của Trời.
Tôn quý nhất Tam giới.
Thân tướng một trượng 6,
Thân thông như vũ trụ.
Hoa xông trừ ngũ uẩn,
Nhỏ mười hai nhân duyên.
Không ham phước vị Trời,
Thanh tịnh mở pháp môn.*

Bấy giờ, Xá-lợi-phất vui mừng hơn hở, như tối gặp đèn, thốt lên rằng: “Lành thay! Xưa nay ta vẫn ôm mối hoài nghi. Ta lại hiếu học, lên tám tuổi đã theo thầy, đến năm mười sáu tuổi, tất cả đều thấu đáo. Đi khắp 16 nước lớn trong thiên hạ, tự cho mình đã thông thái. Nay mới được nghe điều mới lạ, chân chính vô cùng. Thật thỏa mãn tâm nguyện! Do thời tiền kiếp, tâm Như lai trong sạch không bợn, không làm hại chúng sinh, nên hôm nay đi qua mọi chỗ, chân không dính bụi, kiến trùng không cắn.” Do đó, kinh Xứ-nữ nói: “Đức Phật không mang dép, vì ba nguyên do: 1/ Làm cho hành giả bớt dục vọng. 2/ Để vân bàn chân hiện ra. 3/ Để mọi người trông thấy, sinh lòng hoàn hỷ. Khi đức Phật bước đi, bàn chân cách mặt đất bốn tấc, vì ba nguyên do: 1. Vì mặt

đất có nhiều côn trùng kiến mối. 2/ Vì mặt đất có cỏ non. 3/ Để thị hiện thần thông và cũng để ý nghiệp của chúng sinh dừng lại. Khi đức Phật bước đi, mặt đất dù thấp cao, đều trở nên bằng phẳng vì ba nguyên do: 1. Ngài muốn thực hành bốn tâm bình đẳng cho tất cả chúng sinh đều an ổn. Đất ở trên nước, trong nước có thủy thần. Tất cả các loài côn trùng gặp bàn chân của ngài, đều được an ổn. Thế nên, chỗ thấp hóa cao, chỗ cao hóa thấp. 2. Quỷ thần và chư Thiên ra tay dọn dẹp giúp ngài, nên các chỗ cao thấp đều bằng phẳng. 3/ Khi ngài còn làm Bồ-tát, đã sửa chữa đường sá cầu cống giúp cho chúng sinh, tạo nên công đức. Vì vậy mặt đất đều bằng phẳng. Ý muốn tâm chúng sinh cũng được như thế.”

Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Thân tướng đức Thế tôn đẹp đẽ, có lớp da mỏng, bụi bặm không bám, giống như cánh hoa sen không dính bụi và nước. Nếu ngài đi giữa chỗ núi non, đất không dính chân. Dù gió núi nổi lên, thổi tung núi đất tan thành bụi bặm, một hạt nhỏ cũng chẳng bám lên mình ngài. Khi ngài đưa thức ăn vào miệng, bấy giờ hai bên cổ ngài tiết ra dịch cam lồ hòa hợp các hương vị trở nên thanh tịnh, nên gọi là trong hương vị có hương vị thượng hạng.” Lại nữa, kinh Tăng-nhất-a-hàm nói: “Kẻ nào không cung kính chư Phật sẽ bị sinh làm loài Rồng rắn. Do từ quá khứ xa xưa bị đọa vào loài ấy, nay còn dư nghiệp bất kính, nên sinh ra ngủ nhiều và đỡ đần.” Lại nữa, luật Tứ-phần có kệ rằng: “

*“Biết cung kính trường lão,
Kẻ ấy biết hộ pháp.
Đời này có danh dự,
Đời sau sinh Đường thiện.”*

Bài văn 4 đoạn tán thán đức Phật Di-lặc, do pháp sư Huyền Trang phiên dịch từ trong kinh:

1. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

*Chư Phật đều chứng quả tự tại.
Chúng sinh chưa ngộ lý Chân như.
Vì dạy chư Thiên, hiện Đâu-suất.
Như ảo thuật gia tạo đủ hình,
Vốn không người ngựa, nhìn thành có.
Người ngộ biết giả, không có thật.
Phật thân thanh tịnh cũng như thế,
Kẻ ngu không hiểu, bảo giống phàm.
Biết rõ như như là thấy Phật.
Từ đây mãi mãi được hân hoan.*

*Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.*

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

2. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

*Phật có thần lực không hiểu tới,
Bỏ nhiều quốc độ vào hạt bụi.
Huống nay hiện xuống điện Đâu-suất.
Ngồi kết-già trên tòa Sư tử.
Thân như trâm vàng sáng vô lượng.
Tướng tốt cao quý chiếu hào quang.
Vô số Bồ-tát có thần thông,
Giúp Phật hóa độ cứu muôn loài.
Chúng sinh chỉ cần thành khẩn lễ,
Tội lỗi bao đời sẽ tiêu tan.
Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.*

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

3. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

*Trên mũ báu có nhiều hóa Phật,
Số lượng vượt quá mấy trăm nghìn.
Đây đó, mười phương Bồ-tát đến,
Vận dụng thần thông ngồi khắp cửa.
Mây bạc, tám vạn hào quang chiếu.
Đức Phật thường thuyết pháp bất tuyệt.
Chúng sinh chỉ cần tu thiện nghiệp Vừa
đuổi cơn tay, thấy Phật liền.
Hà sa chư Phật đều xuất hiện,
Huống gì đức Phật Thích-ca-văn!
Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.*

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

4. Thành tâm kính lạy đức Phật Di-lặc tương lai.

*Chư Phật thường ngự cõi thanh tịnh,
Hưởng thụ phước báo thật vô cùng.
Phàm phu mắt thịt không thể biết.*

*Phổ hiện kim thân cao nghìn thước,
 Chúng sinh chiêm ngưỡng hoài chưa thỏa.
 Vì mang nghiệp báo, đọa Ta-bà.
 Nếu biết nghe kinh, siêng đọc tụng.
 Ất sẽ tiêu điều lên Đâu-suất.
 Từ nay Ba đường sẽ đoạn tuyệt,
 Mai sau cùng chứng một Pháp thân.
 Thế nên, con lạy Phật Di-lặc,
 Xin nguyện Từ tôn cứu chúng sinh.*

Xin nguyện cùng tất cả chúng sinh đều sinh lên Trời Đâu-suất, được gặp đức Phật Di-lặc.

Thứ tư: NGHIỆP NHÂN

Như kinh Vị-tăng-hữu nói: “Thập thiện của kẻ thấp kém, chỉ giữ được trong khoảng một niệm. Thập thiện của kẻ trung bình, chỉ giữ được trong một chốc lát. Thập thiện của bậc thượng căn, giữ được một buổi. Trong khoảng thời gian ấy, tâm niệm thập thiện, chận đứng thập ác. Nhờ thế, cũng được vãng sinh. Bởi vậy, con chó rừng tâm niệm thập thiện, suốt bảy ngày không ăn thịt sống, được sinh lên Trời Đâu-suất.” Lại nữa, kinh Thượng-sanh nói: “Sau khi ta nhập diệt, tứ chúng bát bộ muốn sinh lên cõi Trời thứ tư, phải tâm niệm cõi Trời ấy từ một đến bảy ngày, giữ gìn giới cấm nhà Phật, tâm niệm thập thiện, thực hành thập thiện. Đem công đức ấy hồi hướng, cầu nguyện được sinh lên trước đức Phật Di-lặc. Vừa tâm niệm như thế xong, liền được vãng sinh.” Kinh ấy nói: “Nếu có chúng sinh kính lễ đức Phật Di-lặc, sẽ được trừ bỏ tội nghiệp sống chết hằng trăm ức kiếp. Thậm chí mai sau, cũng sẽ được gặp đức Phật ấy dưới cây long hoa.” Kinh ấy còn nói thêm: “Sau khi ta nhập diệt, tứ chúng bát bộ nghe danh hiệu Bồ-tát ấy và lễ bái, đến khi mệnh chung, sẽ được sinh vào trong cõi Trời Đâu-suất. Nếu kẻ nam nữ nào phạm các giới cấm, tạo mọi nghiệp ác, khi nghe danh hiệu Bồ-tát đại bi ấy, đập mình xuống đất, thành tâm sám hối, tất cả ác nghiệp sẽ mau chóng tiêu tan. Nếu người nào quy y Bồ-tát Di-lặc, phải biết rằng người ấy sẽ chứng được quả bất thối chuyển. Khi đức Di-lặc thành Phật, người ấy sẽ thấy được hào quang của đức Phật và sẽ được thọ ký ngay.” Lại nữa, kinh Tăng-nhất nói: “Chúng sinh do 3 nghiệp tạo ác, lúc lâm chung nhớ đến công đức của chư Phật, liền xa lìa Đường ác, sinh lên cõi Trời. Ngay kẻ độc ác nhất, nhờ niệm Phật, cũng được sinh lên cõi Trời.”

Lại nữa, kinh Đại-tập nói: “Nếu người tu hành Từ bi phải hy sinh

thân mạng. Bảy giờ sẽ được chư Phật mười phương đưa tay xoa lên đỉnh đầu. Nhờ đó, tâm sẽ an lạc và được sinh lên cõi Phật thanh tịnh.”

Lại nữa, kinh Phổ-Hiền-quán nói: “Nếu có người suốt đêm ngày sáu giờ, lễ chư Phật mười phương, tụng kinh điển đại thừa, suy niệm pháp không Đệ nhất nghĩa rất sâu xa. Trong khoảnh khắc búng tay, sẽ trừ bỏ được tội lỗi sống chết hằng trăm vạn ức vô lượng hà sa kiếp. Người thực hành như thế đúng là phật tử, sẽ được sinh vào cõi Phật. Chư Phật mười phương và các Bồ-tát là đạo sư của họ. Họ được gọi là đầy đủ giới hạnh Bồ-tát. Không cần đến phép Yết-ma, vẫn tự nhiên thành tựu. Xứng đáng được tất cả Trời người cúng dường.” Lại nữa, kinh Pháp-hoa nói: “Nếu có người thọ trì đọc tụng, suy niệm, hiểu thấu nghĩa lý, khi mệnh chung, được hằng nghìn đức Phật cầm tay để dừng sợ hãi, khỏi rơi vào Đường ác và lập tức vãng sinh lên cõi Trời Đâu-suất của Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát ấy có đủ ba mươi hai tướng tốt, các vị đại Bồ-tát quay quần chung quanh cùng hằng nghìn vạn ức Thiên nữ thân thuộc. Người ấy sẽ sinh vào trong cảnh giới ấy và hưởng những phước báo ấy. Thế nên, người trí thức cần chuyên tâm chép lấy hay nhờ người sao dùm, thọ trì đọc tụng, suy niệm rồi theo đó tu hành.” Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Nếu có người nam tốt, thường thực hành phép Bát-nhã-ba-la-mật cao siêu này, nên biết rằng người ấy từ Đường người sinh ra hay từ Trời Đâu-suất sinh xuống. Tại sao thế? Trong ba Đường ác, do nhiễm tội lỗi, nên không thể thực hành. Chư Thiên trong dục giới, nhiễm ngũ dục tuyệt diệu, tâm say sưa mê mờ, nên không thể thực hành. Chư Thiên trong sắc giới, đắm chìm trong Thiền vị, nên không thể thực hành. Trên Trời Đâu-suất có một Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ ở giữa Chư Thiên, thường giảng phép Bát-nhã-ba-la-mật. Trên đó, ngũ dục tuy nhiều nhưng pháp lực còn hơn hẳn. Thế nên mới nói có hai chỗ hơn hẳn. Nếu từ quốc độ của đức Phật khác đến sinh vào đây, lại càng hơn hẳn.” Lại nữa, kinh Xú-xứ nói: “Đức Phật bảo: “Ngài Di-lặc không xuống cõi dưới vì bốn nguyên nhân: 1/ Đôi khi phước đức hiện ra ở đấy. 2/ Người ở đấy thô thiển, không thể thọ trì kinh điển. 3/ Công đức chưa đủ. 4/ Thế gian có người biết giảng kinh nên ngài Di-lặc không xuống. Trong tương lai, nếu xuống chẳng sẽ còn hơn năm mươi ức bảy nghìn sáu trăm mười vạn năm nữa. Vào thời kỳ Di-lặc ấy. Hai mắt người đều thấy xa bốn ngàn dặm, do mười nguyên nhân căn bản: 1/ Đã không che mắt sáng của người. 2/ Đã không làm hại mắt người. 3/ Đã không đập mắt người. 4/ Đã không giấu giếm điều tốt của người. 5/ Đã không nhìn cảnh giết chóc. 6/ Đã không nhìn chuyện trộm cắp. 7/ Đã không nhìn chuyện dâm

ô. 8/ Đã không nhìn âm vật và chỗ xấu của người. 9/ Đã không nhìn các việc ác. 10/ Đã thắp đèn ở chùa chiền.” Lại nữa, kinh Phật-thuyết-Di-lặc-lai-thì nói: “Đức Phật bảo: “Khi đức Phật Di-lặc sắp ra đời, cây cối trong rừng ở núi Diêm-phù-đề đều cháy rụi. Hiện nay chu vi đất Diêm-phù-đề là sáu mươi vạn dặm. Khi đức Phật Di-lặc ra đời, Đông Tây cõi Diêm-phù-đề rộng bốn mươi vạn dặm, Nam Bắc dài ba mươi hai vạn dặm. Đất đai sinh ra ngũ quả. Mặt đất trong bốn biển không có gò đồng hang hố, bằng phẳng như hòn đá mài. Cây cối sinh trưởng, người ít tham sân si, dân chúng họp thành nhiều làng xóm. Tại thành Phiếm-la-na-di có vị Bà-la-môn tên Tu-phàm sẽ làm phụ thân của đức Di-lặc. Mẹ của ngài tên là Ma-ha-việt-đề. Ngài sẽ đầu thai làm con, có đủ các tướng tốt, thân cao mười sáu trượng. Ngài sẽ sinh rơi trong thành ấy. Mắt nhìn rõ vạn dặm. Từ đầu phát hào quang chiếu xa bốn nghìn dặm. Khi ngài đắc Đạo thành Phật, sẽ ngồi dưới cây Long hoa cao bốn mươi dặm, nhằm lúc sao sáng ngày mồng tám tháng tư. Ngài sẽ giáng sinh sau sáu mươi ức kiếp sáu mươi vạn năm nữa.”

Truyện Tây-quốc-hành của Vương Huyền Sách chép: “Vào năm Hiển Khánh thứ hai đời Đường, nhà vua ban sắc sai bọn Vương Huyền Sách đưa áo cà-sa sang Ấn Độ. Đến phía Tây nam nước Nê-Bà-la, tới cạnh hồ phía Đông làng Phả-la-độ. Tại đây là hồ nước có lửa. Nếu lấy lửa thường soi lên mặt nước, lập tức sẽ có tia lửa từ dưới nước lóe lên. Khi tia lửa sắp tắt, lấy nước rước lên, lửa ấy sẽ cháy phừng. Sứ giả đời Đường đã bắt nổi lên nấu chín cơm. Hỏi vua nước ấy, được trả lời rằng: “Đã từng lấy gậy chọc trúng một hòm bằng vàng, bèn sai người kéo lên. Càng kéo hòm càng chìm sâu xuống. Tương truyền đây là hòm đựng mũ đội lúc thành Đạo của đức Phật Di-lặc tương lai được các rồng lửa giữ gìn. Lửa ở hồ này chính là của rồng lửa vậy.” Lại nữa, luận Trí-độ nói: “Khi Bồ-tát Di-lặc còn làm người thế gian, thầy của ngài tên là Bà-bạt-lê. Ngài có ba tướng tốt: 1/ Tướng lông mày bạc. 2/ Tướng lưỡi dài che mặt. 3/ Tướng âm vật sâu kín. Những tướng tốt này đã có từ khi ngài chưa trở thành Bồ-tát.” Lại nữa, luận Tân-Bà-sa nói: “Từng nghe Tôn giả Đại Ca-diếp-ba vào thành Vương-xá khát thực lần cuối cùng. Thọ trai xong, chẳng bao lâu, ngài lên núi Kê túc. Núi ấy có ba ngọn dáng như chân gà gơ lên. Ngài vào trong núi, ngồi kết già, rồi thành tâm phát nguyện: “Xin cho thân ta đây cùng áo bát và gậy thường trụ lâu dài, không hư hoại, thậm chí trải qua năm mươi bảy ức sáu mươi trăm nghìn năm, đến khi đức Phật Di-lặc thành Đạo, sẽ dùng làm phật sự.” Phát nguyện xong, liền nhập niết-bàn. Bấy giờ, ba ngọn núi hợp lại

thành một, đậu kín Tôn giả và đứng cao sừng sững. Khi đức Phật Di-lặc xuất thế hóa độ, dẫn dắt vô lượng Trời người lên đỉnh núi ấy, bảo đại chúng rằng: “Các người muốn gặp mặt Ca-diếp, đệ tử lớn nhất trong hàng đệ tử có nhiều công đức của đức Phật Thích-ca-mâu-ni chăng?” Đại chúng đều thưa: “Chúng tôi muốn gặp.” Đức Phật Di-lặc lấy tay vỗ vào đỉnh núi. Lập tức núi chẻ làm ba. Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp xách áo bát và gậy, từ trong lòng núi, phóng vút lên giữa hư không. Vô lượng Trời người chứng kiến phép thần thông, đều ca tụng chưa từng có. Tâm mọi người hóa ra thuần thành. Đức Phật Di-lặc nhân đó thuyết pháp. Đại chúng đều nhận thức được chân đế.”

Thứ năm: PHÁT NGUYỆN

Chỉ vì phàm phu sức yếu, nghiệp ác quá nhiều. Sinh tại Ta-bà, tâm địa mỏng mảnh. Mới học Chánh pháp, lo sợ thối chí. Thường phát đại nguyện, giữ gìn đạo hạnh. Đến lúc lâm chung, tâm không phiến nã. Gieo các căn lành, cùng với đồng loại, thanh tịnh vãng sinh, về đức Di-lặc. Được đến trước Phật, tự do tu học, chứng quả Bất thối. Không cầu vãng sinh ở ngoài cõi ấy, sợ nhiễm ngũ dục, không được giải thoát. Thế nên, luận Trí-độ nói: “Có người tu được chút ít nghiệp thiện, nghe chỗ nào có phước đức, thường cầu nguyện được vãng sinh. Đến khi lâm chung, đều được sinh về chốn ấy.” Lại nữa, luận Đại-trang-nghiêm nói: “Vãng sinh Phật độ là chuyện lớn lao, chỉ tu về mặt công đức, chắc chắn không thể thành tựu. Phải cần đến nguyện lực, giống như bò tụy đủ sức kéo xe, nhưng có người đánh xe điều khiển. Vì thế, Phật độ thanh tịnh, cần có nguyện lực mới dẫn đến thành tựu. Nhờ có nguyện lực, phước đức Tăng trưởng, không mất không hỏng, nên mới thường xuyên gặp được chư Phật.” Lại như luận Thập-trụ nói: “Nếu có người phát tâm cầu nguyện đức Phật không ngừng, có người giơ ngón tay đặt Đại thiên thế giới vào giữa vũ trụ, nhưng chuyện ấy đều chẳng khó gì. Nếu có người phát đại nguyện: “Ta sẽ thành Phật!” Người này mới thật hiếm có. Tại sao thế? Bởi vì người đời tâm yếu và không có chí lớn.” Lại nữa, luận Phát-Bồ-đề-tâm có mười đại nguyện thường phải tu hành trọn vẹn:

1. Con nguyện đem mọi căn lành đã vun trồng từ kiếp trước đến đời này cúng dường cho tất cả chúng sinh, cùng hồi hướng về Phật đạo, khiến lời đại nguyện của con lớn dần theo từng niệm, đời đời không quên và hằng được Tổng trì che chở.

2. Con nguyện nhờ căn lành này sinh vào nước có đức Phật, hằng được cúng dường, chẳng sinh vào nước không có đức Phật.

3. Con nguyện hằng được thân cận chư Phật, hầu hạ hai bên, như bóng theo hình.

4. Con nguyện thân cận chư Phật, lại được chư Phật thuyết pháp giúp con thành tựu phép ngũ thông.

5. Con nguyện thông đạt thế đế, các pháp giả danh, hiểu rõ chân đế, chứng được Chánh pháp trí.

6. Con nguyện nhiệt thành thuyết pháp cho mọi chúng sinh, chỉ bày lợi ích, khiến tất cả đều hiểu thấu.

7. Con nguyện dùng thần lực của chư Phật đến mọi thế giới khắp mười phương, cúng dường chư Phật, nghe nhận Chánh pháp, gìn giữ chúng sinh.

8. Con nguyện tùy duyên hoằng pháp. Tất cả chúng sinh nghe con thuyết pháp hay nghe tên con, đều xa lìa phiền não.

9. Con nguyện theo sát chúng sinh, giúp cho an lạc, hy sinh thân mạng tài sản, chăm lo gánh vác Chánh pháp, trừ bỏ những điều tai hại.

10. Con nguyện thực hành Chánh pháp, tâm không vướng bận, nhận làm tất cả, giúp đỡ chúng sinh không bỏ đại nguyện chân chính.

Con nguyện đem mười đại nguyện này nhiếp cho tất cả hà sa đại nguyện của các chúng sinh khắp mọi thế giới. Nếu thế giới chúng sinh tận diệt, đại nguyện này của con mới chấm dứt, nhưng thế giới chúng sinh không thể tận diệt, nên đại nguyện này của con cũng không thể chấm dứt. Nguyện đem công đức hóa độ chúng sinh khắp vô biên thế giới đều hồi hướng về Chánh giác Vô thượng, được sinh về trước đức Phật Di-lặc, nghe pháp thanh tịnh, chứng quả vô sinh nhẫn. Tất cả công đức của uy nghi đi đứng nằm ngồi tu hành suốt kiếp đến nay đều cùng pháp giới chúng sinh hồi hướng về trước đức Phật Di-lặc khiến mau chứng quả Bất thối.”

Pháp sư Huyền Trang nói rằng: “Đạo đời bên Ấn Độ đều thực hành pháp môn Di-lặc, vì cùng ở trong dục giới, hạnh nguyện ấy dễ dàng thành tựu. Các Sa-môn Đại thừa và tiểu thừa đều chấp nhận pháp môn này. Pháp môn Di-đà Tịnh độ, chỉ sợ kẻ phàm phu ô uế, khó tu hành nổi. Theo các kinh luận trước đây, từ hàng Thập địa trở lên, Bồ-tát tùy phẩm vị, được hưởng Phật báo Tịnh độ. Theo ý kiến các bộ luận mới đây, từ hàng Bồ-tát Tam địa, mới có thể hưởng Phật báo Tịnh độ. Nếu thế, kẻ phàm phu thấp kém làm sao có thể vãng sinh? Song đây cũng chỉ là ý kiến riêng biệt, chưa thể lấy làm chắc chắn. Do đó, Đại thừa bên ấy chấp nhận, nhưng Tiểu thừa không chấp nhận. Vì vậy, suốt đời

pháp sư luôn luôn thực hành pháp môn Di-lặc. Đến lúc lâm chung, pháp sư phát nguyện được sinh lên thượng giới, gặp đức Phật Di-lặc. Pháp sư yêu cầu đại chúng cùng tụng kệ rằng:

*“Nam-mô Di-lặc Như lai,
Ứng Chánh đẳng giác.
Nguyện cùng chúng sinh,
Mau gặp cha lành.
Nam-mô Di-lặc Như lai.
Tất cả đại chúng,
Nguyện mệnh chung xong,
Đều sinh về đó.”*

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Thuật sơ lược 6 chuyện linh nghiệm:

1. Đái Qùy người nước Tiều đời Tấn. 2. Sa-môn Thích Đạo An đời Tống. 3. Ni cô Thích Tuệ Ngọc đời Tống. 4. Sa-môn Thích Tăng Hộ đời Lương. 5. Sa-môn Thích Linh Cán đời Tùy. 6. Sa-môn Thích Thiện Trụ đời Đường.

1. Xét rằng sắc tướng trang nghiêm nhất của chư Phật tuyệt diệu vô biên, chẳng được cơ duyên chiêm ngưỡng, không thể nào miêu tả nổi. Do đó, có nhiều tướng hảo không được lưu truyền. Than ôi! Nếu lấy tay phàm nắn nót pháp thân cực kỳ viên mãn, thử đem toán số thí dụ, liệu có thể đạt được một phần trong muôn vàn? Từ khi đức Phật nhập diệt đến nay đã quá một ngàn năm, các linh tượng do Ấn Độ chế tác lưu truyền phong cách khắp đất Trung Hoa. Dầu theo kinh điển đức nên, chỉ cốt giống với sắc tướng. Danh sĩ nghệ nhân cố tranh tài thi thố, nhưng xem đi xét lại, vẫn chưa có tuyệt tác. Đến đời Tấn, Đái Qùy vốn ở nước Tiều, tự là An Đạo, chí hướng cao thượng, ẩn dật tại đất Ngô. Sống đời đạo lý, hâm mộ Phật pháp. Hơn nữa, tâm cơ minh mẫn, khéo léo tà Trời. Tìm tòi nghệ thuật miêu tả sống động, gần giống với chân thân của chư Phật, vẽ nên tượng đức Phật Vô Lượng Thọ cùng Bồ-tát thị giả tuyệt đẹp. Xong xuôi, ông núp sau màn, lắng nghe lời bình luận. Sau đó, gia công sửa chữa. Nét bút tận tình tận mỹ. Suốt đời Châu đời Tống chưa ai hơn được. Gom hết tâm tư nhuận sắc ba năm mới hoàn thành. Chấn động đương thời cho đến hôm nay. Thật chưa từng có. Người chiêm ngưỡng cảm thấy như gần gũi với pháp thân. Ít lâu sau, tượng được cung nghinh về chùa Linh bảo tại Sơn âm. Đạo đời tham quan đều phát tâm Bồ-đề. Khách Siêu ở Cao bình nghe tiếng, đến chiêm

bái, thấp nhang phát nguyện rằng: “Nếu nhang cháy như thường, đệ tử lại xin đến chiêm bái Thánh nhan. Nếu không, đệ tử sẽ xin gặp lại khi đức Phật Di-lặc xuất thế!” Lại thay, cây nhang trong tay bốc làn khói thơm thẳng lên mây, một phần tỏa ra ngào ngạt khắp đường. Mọi người đến xem đều hoan hỷ ngập lòng. Lâm xuyên Khang vương đời Tống soạn sách Tuyên-nghiệm-ký cũng có chép điền linh dị này vào. Nhà ông cách chùa Linh bảo chỉ hơn trăm bước, nửa đêm thức giấc, từng thấy trên chùa có ánh hào quang sáng lòe. Cho là lửa cháy, ông vội vã chạy lên. Xóm làng cũng có người thấy, cùng tranh nhau đổ đến, nhưng cổng chùa vẫn đóng bình thường mới biết do tượng phóng hào quang. Sáng mai, mọi người hay tin, gọi chùa mở cổng vào xem, đều tận mắt chứng kiến điện Phật sáng láng rực rỡ, hào quang chiếu diệu tận Trời. Đại chúng trang nghiêm đánh lễ, ca tụng phật lực uy linh không phân xứ sở. Vua Tống Văn đế từng cung nghinh tượng về nội cung thờ phụng. Tề Cao đế dựng chùa Chánh giác, muốn chọn linh tượng hiển hách nhất trấn giữ đại điện, đã rước tượng về chùa. Trong khoảng 10 năm, ông còn tạo năm pho hành tượng** tại chùa Ngõa quan. Con thứ hai của ông tên Ngung, tự Trọng nhược, ý tứ thâm trầm, ưa thú ẩn dật. Nuôi chí cao thượng, thừa kế tài hoa. Mỗi lần gặp cha vẽ tượng, thường cùng suy nghĩ góp ý. Giang Di ở Tế dương từ nhỏ kết bạn với Ngung, có nhờ vẽ giúp tượng Quán Thế Âm. Ngung dốc hết tâm chí, mong sao thật đẹp, nhưng vẽ hoài nhiều năm vẫn chưa thành. Sau đó mơ thấy người bảo: “Giang Di không có nhân duyên với tượng Quán Thế Âm, nên đổi sang tượng Bồ-tát Di-lặc.” Ngung liền dừng tay, gửi thư kể cho Giang Di hay. Thư chưa kịp đưa đi, tin tức của Giang Di đã đến. Thì ra đêm ấy, hai người cùng mơ thấy như nhau. Ngung mừng rỡ, chuyển qua vẽ tượng đức Di-lặc theo lời thần mộng. Vừa ra tay đã đẹp, không cần đến cấu tứ. Sắc tướng đầy đặn sáng láng, chỉ trong chốc lát là xong, được mọi người hết sức tán thưởng. Nhân duyên thật đúng chẳng sai. Tượng ấy lâu nay tôn trí ở chùa Long hoa tại Cối kê. Những tượng do hai cha con họ Đái sáng tác nổi tiếng đã mấy đời nay. Tác phẩm cũng rất nhiều, đa số tôn trí tại các chùa, không thể ghi chép hết.

2. Pháp sư Thích Đạo An ở chùa Ngũ Cấp tại Trường An đời Tấn vốn họ Vệ, nhười Phù liểu thuộc Thượng sơn. Tượng mạo không bằng người nhưng thông minh không ai sánh kịp. Lên 7 tuổi, đọc sách lần thứ hai liền thuộc lòng. 13 tuổi xuất gia, mỗi ngày đọc hàng vạn chữ, không hề sai sót. Sư phụ nể phục, cho thọ giới cụ túc và gửi đi học xa. Đến chùa trong hoàng cung tại Nghiệp thành tham kiến cao Tăng Phật-đồ-

trừng. Cao Tăng khen là kỳ lạ, cùng nói chuyện suốt ngày. Nhân đó, tôn cao Tăng làm thầy. Mỗi lần cao Tăng giảng kinh, ngài đứng ra giải đáp. Bao nhiêu vấn nạn đều được giải đáp một cách dễ dàng. Đương thời có lời ca tụng rằng: “Đạo nhân mặt đen làm kinh hồn cử tọa.” Sau đó, tránh đất Nghiệp loạn lạc, ngài sang Tương dương, cùng các đệ tử như Tuệ Viễn, hơn bốn trăm người vượt sông. Đang đêm gặp trận mưa giông, cả đoàn đội tuyết bước đi, gặp căn nhà phía trong cửa đóng trụ buộc ngựa, lưng chừng treo giỏ cây đựng thức ăn ngựa, lớn khoảng một học. Ngài gọi to: “Lâm Bá Thăng!” Chủ nhân giật mình chạy ra. Quả đúng tên Lâm Bá Thăng. Cho rằng ngài là thần nhân nên chủ nhân tiếp đón rất trọng thể. Đệ tử hỏi: “Làm sao biết được họ tên?” Ngài đáp: “Hai cây là Lâm, giỏ đựng một học là Bá Thăng.”*** Khi đến Tương dương, gặp một pho tượng nước ngoài bằng đồng, hình dáng cổ lỗ lạ lùng, nên đại chúng không sùng kính lắm. Ngài bảo: “Thân tượng rất đẹp, nhưng búi tóc chưa cân đối lắm.” Bèn sai đệ tử dưa bột. Bỗng hào quang phát sáng khắp điện. Nhìn kỹ trong búi tóc, phát hiện ra một hạt xá-lợi. Đại chúng đều ăn năn bái phục. Ngài bảo: “Tượng hiển linh đến thế, không nên sửa lại nữa.” Những người biết chuyện đều nói ngài có thần lực thấy được xá-lợi, nên mới đưa ra cho đại chúng thêm kính tín.

Bấy giờ, Tập Tạc Xỉ ở Tương dương có thiên tài hùng biện trùm cả đương thời, nghe danh tiếng của ngài, trước đây từng gửi thư thăm hỏi: “Đại sư nổi đời pháp đăng, chính để xiển dương chân lý. Từ tâm và giáo hóa rạng ngời, Đạo đời cùng được che chở. Hơn bốn trăm năm Đại đạo truyền sang đông độ, ngay vua chúa chư hầu cũng phát nguyện quy y, khiến giáo lý sớm được lưu hành khắp đất nước. Tuy nhiên, pháp vận biến thiên nên chúng sinh chưa được ngộ hết. Gần đây, mạch Đạo thanh hưng không gì sánh kịp. Đúng là đêm trăng rằm sắp sáng, cao Tăng sẽ xuất hiện vậy. Đại sư gánh vác trọng trách hóa sinh, không để tâm tối. Chư Tăng ở đây đều dốc lòng kính ngưỡng. Đại sư nếu có sang Đông, nguyện đem bảo châu soi sáng, bước lên pháp toà thất bảo, thị hiện pháp đăng quang minh, tưới cam lộ nhuần thấm cỏ cây, trồng chiên-đàn tươi tốt Giang tả. Được thế, Chánh pháp của đức Như lai lại được tôn sùng, triều âm hùng dũng lại vang dội khắp đời vậy.” Thư ấy còn dài, không chép ra hết. Khi Tập Tạc Xỉ nghe tin ngài sang, liền vào tận chỗ tịnh tu thăm viếng. Vừa ngồi yên đã nói: “Tập Tạc Xỉ lừng danh bốn biển.” Ngài đáp lại: “Thích Đạo An danh tiếng vang Trời.” Đương thời cho là lời đối đáp tuyệt hay.

Ngài thường chú giải các kinh, sợ không đúng nghĩa, nên phát

nguyện rằng: “Nếu lời bàn không xa diệu lý, xin cho thấy điềm lành.” Ngài mơ gặp vị đạo nhân người Ấn Độ, đầu bạc, lông mày thật dài bảo: “Ông chú thích kinh rất đúng. Ta chưa thể nhập Niết-bàn, hiện còn ở Tây Vực, sẽ sang đây đã thông giúp ông. Ngày ngày cứ dọn sẵn cơm!” Về sau, khi luật Thập-tụng truyền sang, ngài Tuệ Viễn mới biết người sư phụ mơ thấy trước đây chính là ngài Tân-đầu-lô. Do đó, thành lệ bày bàn dọn cơm cúng dường khắp nơi. Đạo hạnh của ngài xứng đáng là bậc tôn sư, kiến giải lại thông suốt Tam tạng. Ngài soạn những phép tắc dành cho Tăng ni và các hiền chương Phật pháp. Có thể chia làm ba loại: 1.Các phép tắc dâng hương, ngời Thiên, tụng kinh và giảng pháp. 2.Các phép tắc hành Đạo, ăn uống và báo thời trong sáu thời hằng ngày. 3.Các phép tắc bố-tát, sai sử và sám hối. Mọi chùa chiền trong nước đều theo đó thực hành.

Ngài thường cùng các đệ tử như Pháp Ngộ đến trước tượng đức Phật Di-lặc lập thệ nguyện xin vãng sinh về cõi Trời Đâu-suất. Ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Kiến nguyên thứ hai mươi một đời Tần, một vị Tăng lạ, hình dáng xấu xí tầm thường tới chùa xin nghỉ lại. Do phòng ốc chật hẹp nên được bố trí cho ở tại giảng đường. Bấy giờ, đệ tử Duy-na trực diện Phật, ban đêm phát giác vị Tăng này theo song cửa tự do ra vào, liền đem bắt lên. Ngài giật mình thức dậy, đến vái chào xong, hỏi lý do lên chùa. Vị Tăng đáp: “Vì giúp nhau mà đến.” Ngài bảo: “Tự xét nghiệp chứng năng nề, làm sao có thể giải thoát nỗi?” Vị Tăng ấy đáp: “Rất đáng giải thoát. Lễ tắm Phật sắp tới, hạnh nguyện chân thật của cao Tăng chắc chắn sẽ thành tựu!” Rồi chỉ dẫn tỉ mỉ nghi thức cử hành lễ Tắm Phật. Ngài hỏi kiếp sau sinh vào cõi nào. Vị Tăng ấy đưa tay vén góc Trời phía Tây bắc. Mây lập tức mở ra, hiện rõ phước báo tuyệt diệu trên Trời Đâu-suất. Đêm ấy, đại chúng đông hằng mấy chục người cùng chứng kiến. Sau đó, ngài sắm sửa đồ tắm Phật. Có em bé phi phạm cùng mấy chục bạn bè chạy vào chùa nô đùa rồi đi tắm. Đúng là đức Phật ứng hiện. Ngày mồng tám tháng hai năm ấy, ngài bỗng nhiên bảo đại chúng: “Ta sắp đi đây!” Hôm ấy, sau khi thọ trai xong, ngài thanh thân viên tịch, không hề bệnh tật chút gì. An táng tại chùa Ngũ cấp trong kinh thành, nhằm niên hiệu Thái nguyên thứ mười đời Tấn, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Trước đó, mỗi lần nghe tin ngài La-thập bên Tây Vực, ngài ao ước được cùng đàm đạo, thường khuyên vua Phù Kiên rước về. Ngài La-thập cũng nghe tiếng ngài, cho là vị Thánh nhân bên Trung Quốc, thường hướng sang đánh lễ. Khi mới sinh, ngài rất bụ bẫm. Trên cánh

tay trái có miếng da lớn chừng một tấc, lấy tay lật lên cao thấp được, nhưng không thể lật ra. Người đương thời gọi là Bồ-tát có ấn trên tay. Sau khi ngài viên tịch mười sáu năm, ngài La-thập mới sang. Không gặp được, ngài La-thập vô cùng xót xa ân hận. Suốt đời, ngài chuyên tâm hâm mộ kinh điển, dốc chí hoằng pháp. Những cao Tăng nước ngoài được mời sang như Đề-bà-Đàm-ma-nan-đề và Bạt-trừng dịch Đại tạng kinh được hơn trăm vạn lời. Ngài cùng Sa-môn Pháp Hoà minh định âm vị, xét kỹ nghĩa văn, các kinh mới dịch nhờ thế đạt mức chính xác. Tôn Xước soạn sách Danh-đức-Sa-môn-luận nói rằng: “Ngài Thích Đạo An thông thái bác học, có tài hiểu thấu nghĩa lý văn từ.” Và làm bài tán như sau:

*“Bao la vũ trụ,
Đa đoan học phái.
Uyên bác Đạo An,
Thông thái vạn loại.
Tiếng vang Lũng, Thiểm;
Danh đồn Hoài, Hải.
Người dẫn ra đi,
Phảng phất còn mãi!”*

Có bút ký khác bảo rằng: “Đặc biệt ở đất Hà Bắc có Trúc Đạo An và Thích Đạo An cùng nổi tiếng ngang nhau.” Sách ấy còn bảo: “Tập Tạc Xỉ từng gửi thư thăm hỏi Trúc Đạo An.” Tuy nhiên, ngài Đạo An có thầy họ Trúc, sau đổi lại thành Thích. Người đời thấy hai họ nên cho là hai người khác nhau. Thật hết sức sai lầm (2 chuyện trên rút từ Lương-Cao-Tăng-truyện).

3. Ni cô Thích Tuệ Ngọc đời Tống vốn người Trường An, đạo hạnh tinh tiến, kinh điển và giới luật đều thông thạo. Thường thấy hào quang trắng hồng phóng lên ở chùa của thượng thư họ Tiết tại Trường an hơn 10 ngày. Vào ngày mồng tám tháng tư, Sa-môn chùa Lục trùng đến tham quan, phát hiện pho kim tượng đức Phật Di-lặc cao hơn một thước ngay chỗ phát hào quang. Về sau, ni cô sang Nam, đến ở chùa Linh Thu tại Giang lăng. Vào đêm tháng mười năm Nguyên gia thứ mười bốn, thấy phía Đông chùa có ánh hào quang tía chiếu sáng khắp rừng, bèn đem kể lại cho đồng bạn Diệu Quang, nhưng chẳng phát hiện được gì. Hơn hai ngày, ni cô thường thấy điềm hào quang như thế. Về sau, trụ trì Thích Pháp Hoằng sửa soạn xây nền Thiền thất dưới gốc cây, ngược nhìn lên cành, phát hiện pho kim tượng ngỗng, cũng cao chừng một thước (Chuyện trên rút từ Minh-tường-ký).

4. Trên núi thuộc thành Diêm thạch đời Lương có Sa-môn Thích Tăng Hộ vốn người Diêm thành tại Cối kê. Từ nhỏ xuất gia, đã quyết chí khổ hạnh, giữ gìn giới luật thanh tịnh, về sau, ngài ở chùa Linh nhạc trên núi thành Diêm thạch. Phía Bắc chùa là vách đá xanh, mọc thẳng đứng mấy chục trượng. Giữa như có hình hào quang tỏa sáng của đức Phật. Trên đỉnh, các chòm cây buông cành phủ xuống. Mỗi lần ngài đi tản bộ qua đây, thấy hào quang xán lạn, nghe tiếng tán bái, đàn sáo dặt dìu. Nhân thế, ngài bưng lò hương phát nguyện xẻ núi tạc pho tượng cao mười trượng và chân thân đức Di-lặc cao nghìn thước, ước mong chúng sinh hữu duyên sẽ được gặp gỡ ở Ba hội. Giữa niên hiệu Kiến nguyên, ngài kêu gọi đại chúng bắt đầu thi công. Hơn một năm mới thành hình nét mặt. Chẳng bao lâu, ngài lâm bệnh rồi viên tịch. Lúc lâm chung phát thệ rằng: “Công trình ta làm, không thể một đời lo nổi. Đến kiếp mai sau, nguyện vọng ắt sẽ hoàn thành.” Sau đó, Sa-môn Tăng Thục nổi chí thực hiện, nhưng không có nguồn tài trợ nên cũng chưa xong. Đến năm Thiên giám thứ sáu đời Lương, huyện lệnh Thủy phong là Lục Hàm bị cách chức về nước, nghỉ đêm tại Diêm khô, gặp mưa gió sấm chớp, rất sợ hãi. Đang mơ màng, bỗng thấy 3 vị Tăng đi tới bảo rằng: “Nếu giữ lòng thành tín kiên trinh, tự nhiên sẽ được bình an. Điện hạ Kiến an mắc bệnh chưa khỏi, nếu chịu giúp Sa-môn Tăng Hộ tạc xong tượng đá, chắc chắn sẽ bình phục. Thần minh hiển hách quyết chẳng sai lời. Nên đi ngõ ý giúp. Họ Lục về kinh đô được một năm, quên mất diêm mộng. Sau đó, ra cửa, gặp vị Sa-môn bảo rằng: “Còn nhớ lời nhắn nhủ Kiến an vương vào đêm tá túc năm ngoái chăng?” Bấy giờ, họ Lục ngơ ngác đáp rằng: “Không nhớ.” Sa-môn tươi cười bảo: “Nên nhớ lại đi!” Nói xong, liền Từ biệt. Họ Lục biết là bậc phi phạm, vội vàng chạy theo hỏi rõ. Được hơn trăm bước, bỗng nhiên không thấy nữa. Họ Lục sực nhớ lại giấc mơ năm trước. Sa-môn ấy chính là vị Tăng thứ ba, bèn đem bẩm báo Kiến an vương. Vương lập tức tâu lên. Nhà vua ban sắc sai luật sư Tăng Hựu lo liệu việc tạc tượng. Kiến an vương vốn rất sùng Đạo, hoan hỷ vô cùng, cúng dường tiền của, nguyện Phật sự thành tựu viên mãn. Trước hôm luật sư đến, trừ trừ Tuệ Sinh mơ thấy vị thần nhân cao lớn mặc áo đen, kẻ hầu hạ rất hùng tráng, đứng trước khám thờ bàn bạc tính toán. Sáng mai, luật sư vừa lên đến nơi. Thật là linh ứng. Trước đây, Sa-môn Tăng Hộ tạc khám thờ cạn quá, phải tạc sâu thêm năm trượng và tạo thêm búi tóc. Khi tượng hoàn thành, mài bóng sắp xong, vào nửa đêm, bỗng dưng màu đỏ ở chữ vạn nổi bật lên. Đến nay, dù không hề sơn thếp, màu đỏ ấy vẫn còn. Phật sự bắt đầu từ mùa Xuân

năm Thiên giám thứ mười hai đến mùa Xuân năm thứ mười lăm thì xong. Pho tượng ngồi cao năm trượng, pho đứng cao mười trượng. Phía trước dựng đài cao ba tầng cùng cổng, gác, điện Phật và các chỗ hành lễ. Khách thập phương mang hương hoa tấp nập lên về cúng dường chập cả đường sá. Sau đó, bệnh tình Kiến an vương lành hẳn. Vương còn được cải phong về Nam bình (Chuyện trên rút từ Lương-cao-Tăng-truyện).

5. Sa-môn Thích Tăng Các ở Thiên định Đạo trường tại Trường an đời Tùy, vốn họ Lý, người Dịch đạo thuộc Kim thành. Chí hướng cung kính siêng năng, chuyên tu Tịnh độ. Theo kinh Hoa-nghiêm, Sa-môn thực hành các phép quán Thế giới hải Liên hoa tạng và Thiên cung Di-lặc. Năm Khai hoàng thứ 17 đời Tùy, bị bệnh tắt hơi, chỉ còn vùng tim không lạnh, nên đồ đệ chưa dám tắt liệm. Sau đó, tỉnh lại, Sa-môn kể rằng: “Trước tiên gặp hai người, tay cầm văn thư, đứng trước cửa, bảo: “Quan trên muốn gặp đại sư.” Nhấp nháy liền đi theo họ, giống như cưỡi hư không, chân chẳng chạm vào đất, đến một vườn lớn toàn cây thất bảo trang nghiêm như tranh vẽ. Hai người đưa tới nơi, liền Từ biệt lui ra, một mình ta đi vào. Bốn phía bao la, chỉ thấy rừng núi ao hồ đều bằng bảo vật rực rỡ chói mắt, không thể nhìn thẳng. Dưới gốc cây là toà sen, hoặc có người ngồi, hoặc còn để trống. Bỗng nhiên nghe tiếng gọi: “Phải Linh Cán người đến đây chăng?” Ta theo tiếng nói đến nơi, chính là pháp sư Tuệ Viễn. Hành lễ xong, ta hỏi: “Đây là nơi nào?” Pháp sư đáp: “Là cõi Trời Đâu-suất. Ta và Tăng Hựu cùng sinh lên đây. Vị ngồi trên bảo tọa cao kế ta là pháp sư Tăng Hựu đấy.” Hình dáng hai ngài đều không giống trước đây, đầu đội mũ Trời, mặc áo màu đỏ tía sáng láng tuyệt trần, chỉ còn tiếng nói như xưa, nên có thể nhận ra. Hai người còn bảo ta: “Nhà ngươi và các đệ tử của ta sau này đều sẽ sinh lên đây.” Nhờ được giác ngộ, Sa-môn càng siêng năng tu hành Tịnh độ, trang nghiêm quán tưởng, cách ly thế gian. Đến năm Tùy Đại nghiệp thứ ba, thành tựu công phu Thiên định, nhà vua ban sắc làm thượng tọa ở Đạo trường. Tăng đồ đông đảo, cơ duyên hóa độ rất có quy mô. Đến năm thứ tám, Sa-môn ở trong Thiên phòng, mang bệnh nặng dần, sắp sửa viên tịch. Trông mắt cứ ngược lên, không nhìn vào ai, rất lâu mới hạ xuống, thần sắc vẫn bình thường. Đại sư Đồng Chân đến thăm được chứng kiến tướng lạ này. Sa-môn bảo: “ Vừa rồi, ta thấy hai Đồng tử mặc áo xanh đến mời, liền đi theo, tới phía ngoài thành Đâu-suất, chưa được vào trong. Nếu nhón chân lên, mới nhìn thấy cây báu tán hoa trong thành. Nếu đứng bình thường, chẳng thấy gì cả. Khách tới

thăm, đứng bên cạnh, thấy ta ngược mắt là vì thế.” Đại sư Đồng Chân bảo: “Nếu tôi được sinh lên cõi Trời ấy thì đã mãn nguyện.” Sa-môn bảo: “Phước báo trên Trời không lâu dài, cuối cùng vẫn đọa vào luân hồi sinh tử. Thế giới Hoa tạng mới là cứu cánh của ta.” Nói xong chẳng bao lâu, Sa-môn tắt hơi. Giấy lát tỉnh lại. Đại sư Đồng Chân hỏi: “Thấy được gì thế?” Sa-môn đáp: “Thấy nước bao la khắp nơi, hoa lớn như vành xe. Ta ngồi lên trên đó. Nguyện vọng đã thành.” Nói xong, liền viên tịch, nhằm ngày hai mươi chín tháng giêng năm Tùy Đại nghiệp thứ tám, thọ bảy mươi tám tuổi.

6. Sa-môn Thích Thiện Trụ ở chùa Tịnh Ảnh tại Trường An đời Đường, vốn họ Hoài, người Doanh châu, thông minh dễ hiểu, lại giỏi đàm luận, nổi tiếng khắp nơi. Cuối niên hiệu Nhân thọ, vâng mệnh nhà vua dựng tháp và cung nghinh xá-lợi về chùa Hoa lâm trên núi Ngưu đầu thuộc Tử châu. Khi xe sắp tới nơi, gặp con heo rừng tám đầu xông ra dưới xe, đi theo đến nhà trạm. Đuổi thì bỏ chạy, xong lại đến như cũ. Sắp vào thành, có bốn con ong đen, khí thế rất hùng dũng, bay vùn vụt quanh xe bốn vòng rồi tản đi. Ban đêm, tại nhà công quán, hào quang phát ra, chiếu sáng lên nóc như ánh lửa, được một lúc mới tắt. Lại nữa, khi đào nền tháp sâu hơn một trượng để đặt hòm xá-lợi, bắt gặp cái hũ xưa không nắp, có nước trong trong thơm tho, bèn cất vào hòm. Chùa có tháp cao chín tầng. Hào quang phát ra từ góc Tây nam tầng thứ hai, chiếu thành vòng tròn lớn bằng cái lu đựng năm tạ, sắc vàng rực như lửa, một hồi lâu mới tan. Từ mây tượng đức Phật Di-lặc trên điện cũng phóng hào quang tía. Tượng hai vị Bồ-tát cũng phóng hào quang đỏ, chiếu sáng khắp chùa. Trước sau bảy lần, mọi người đều chứng kiến. Vào tháng tám năm Vũ Đức thứ ba, Sa-môn viên tịch tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi một tuổi (2 chuyện trên rút từ Đường-cao-Tăng-truyện).

